TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2017
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Thu Huyền.***
Các Hội thẩm nhân dân: ***Bà Hoàng Thị Thiệu.***
Bà Nguyễn Thị Thân.
Thư ký phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Mai –*** *Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.*
Đại diện VKSND quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Ông Phạm Sỹ Nguyên –*** *Kiểm sát viên.*

Ngày 24/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2017 về tranh chấp "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2017. Giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: ***Chị Nguyễn Ngọc L –*** Sinh năm 19XX.
HKTT và nơi ở: Phường Q – quận C – thành phố Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa.

BỊ ĐƠN: ***Anh Hoàng Văn T –*** Sinh năm 19XX.
HKTT và nơi ở: Phường B – quận H – thành phố Hà Nội.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại bản tự khai ngày 11/4/2017 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/6/2017, nguyên đơn - chị Nguyễn Ngọc L trình bày:***

Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2009 tại UBND phường Q – quận C – thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị L và lần kết hôn thứ hai đối với anh T, trước đó anh T đã có vợ và đã ly hôn.

Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại phường B – quận H – thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị đã dọn về nhà riêng của chị phường Q – quận C – thành phố Hà Nội ở từ ngày 01/7/2016 cho đến nay.

Tháng 10/2016 chị đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn với anh T, nhưng tại Tòa án anh T đã đề nghị cho anh thêm thời gian để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, nên chị đã rút đơn về đoàn tụ vợ chồng. Quá trình từ đó cho đến nay, cuộc sống vợ chồng vẫn không thể cải thiện được, mâu thuẫn vẫn căng thẳng, mỗi người vẫn sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vì vậy chị tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Hoàng Kim A – sinh ngày 31/12/19XX và Hoàng Huyền C – sinh ngày 01/12/20XX. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt. Cháu Hoàng Kim A đã đủ tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Hoàng Huyền T hiện nay đang sống cùng với chị.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Huyền C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và nhà ở chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

***** Tại văn bản đề ngày 18/4/2017 anh Hoàng Văn T nộp tại Tòa án, bị đơn - anh Hoàng Văn T đã trình bày:

Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng về việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Ngọc L. Chị L đã từ bỏ nhà ra đi, chúng tôi không có mâu thuẫn gì. Vì vậy tôi không đồng ý việc xin ly hôn của chị L. Kính mong quí Tòa xem xét để gia đình chúng tôi được đoàn tụ.

Anh Hoàng Văn T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ nhiều lần, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

**** Tại phiên tòa:***

+ Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài.

Về con chung: Trước khi kết hôn anh chị đã có 01 con chung là cháu Hoàng Kim A – sinh ngày 31/12/19XX. Đến ngày 12/10/2009 anh chị mới đăng ký kết hôn và

sau đó sinh thêm cháu Hoàng Huyền C – sinh ngày 01/12/20XX. Do vậy anh chị có 02 con chung. Cháu Hoàng Kim A đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Huyền C sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QDST-HNGĐ ngày 30/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2017, anh T đã từ chối không nhận văn bản. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tiến hành thụ lý vụ án, phân công Thẩm phán và Thư ký, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật.

Về thủ tục chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng thời hạn xét xử và đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo qui định của pháp luật.

Thực hiện đúng qui định về việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng.

Đây là vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo việc tranh tụng đúng qui định.

Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng qui định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Hoàng Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q – quận C – thành phố Hà Nội

ngày 12/10/2009, do đó hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp, việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ.

Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống hàng ngày. Tháng 10/2016 chị L đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn với anh T, nhưng tại Tòa án anh T đã đề nghị cho anh thêm thời gian để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, nên chị đã rút đơn về đoàn tụ vợ chồng. Quá trình từ đó cho đến nay, cuộc sống vợ chồng vẫn không thể cải thiện được, mâu thuẫn vẫn căng thẳng, mỗi người vẫn sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Về con chung: Trước khi anh chị kết hôn, anh chị đã có 01 con chung là Hoàng Kim A – sinh ngày 31/12/19XX. Sau khi kết hôn anh chị sinh thêm 01 con chung là Hoàng Huyền C – sinh ngày 01/12/20XX.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc L đối với anh Hoàng Văn T, cho chị L được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L, anh T có 02 con chung. Cháu Hoàng Kim A đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét. Cháu Hoàng Huyền C hiện nay đang sống cùng chị L, nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Toàn cho đến khi cháu Hoàng Huyền C trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Ngọc L và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2009 tại UBND phường Q – quận – thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị L và lần kết hôn thứ hai đối với anh T, trước đó anh T đã có vợ và đã ly hôn. Do vậy hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại phường B – quận H – thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị L đã phải về nhà chị ở tại phường Q– quận C– thành phố Hà Nội ở từ ngày 01/7/2016 cho đến nay. Tháng 10/2016 chị L đã một lần nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xin ly hôn với anh T, tại Tòa án anh T đã đề nghị chị L cho anh thời gian để anh cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, chị L đã rút đơn để vợ chồng

đoàn tụ, tuy nhiên kể từ thời gian đó cho đến nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng không thể cải thiện được và mỗi người vẫn sống riêng một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị L xác định tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn và kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

Về phía anh T mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn cố tình không đến Tòa án và chỉ nộp cho Tòa án một văn bản nêu ý kiến không đồng ý ly hôn, ngoài ra anh T cũng không nộp bất cứ một tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Qua xác minh tổ dân phố phường B và Công an phường B – quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội là nơi chị Lvà anh T đã từng chung sống được cung cấp: Chị L và anh T kết hôn khoảng năm 2009. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại phường B– quận H– thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên cụ thể mâu thuẫn như thế nào tổ dân phố không nắm được. Chị L đã bỏ đi nơi khác sinh sống từ khoảng cuối năm 2015, hiện nay tại địa chỉ trên chỉ có anh T – sinh năm 19XX, con trai anh T là Hoàng Quốc K – sinh năm 19XX và anh trai anh T là Hoàng Mạnh H - sinh năm 19XX ăn ở, sinh sống, đi lại thường xuyên tại đây. Chị L làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án quan điểm của tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh T là có thật, mặc dù mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị không thể hiện ra bên ngoài, tổ dân phố cũng chưa phải can thiệp, mâu thuẫn chỉ trong khuôn khổ gia đình, tuy nhiên mâu thuẫn giữa chị L và anh T không thể giải quyết được, thể hiện ở việc tháng 10/2016 chị L đã rút đơn về đoàn tụ vợ chồng nhưng hai bên vẫn không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn, mà mỗi người vẫn ở một nơi, không ai có sự quan tâm đến ai.

Xét cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay. Việc chị L xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Do anh T cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn anh Hoàng Văn T.

+ Về con chung: Chị L xác nhận chị và anh T có 02 con chung, một con được sinh ra từ trước khi anh chị kết hôn là cháu Hoàng Kim A sinh ngày 31/12/19XX và một con sinh ra sau khi anh chị kết hôn là cháu Hoàng Huyền C – sinh ngày 01/12/20XX.

Cháu Hoàng Kim A hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cháu Hoàng Huyền C hiện nay đang sống ổn định cùng chị L, Chị L có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Huyền C. Anh T cũng

không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của chị L là hoàn toàn chính đáng, cháu C là con gái và đang ở độ tuổi cần sự giáo dục, dạy dỗ và chỉ bảo của người mẹ hơn, do vậy nên Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Huyền C cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu C trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng không có ý kiến gì, do vậy nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T cũng không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T cũng không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, điểm b khaonr 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc L.
- Chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Chị L, anh T có 02 con chung là Hoàng Kim A sinh ngày 31/12/19XX và Hoàng Huyền C – sinh ngày 01/12/20XX.

Cháu Hoàng Kim A đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên Tòa án không xem xét.

Giao cháu Hoàng Huyền C cho chị Nguyễn Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị L tự thỏa thuận giải quyết với anh T và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về vay nợ chung: Chị Ltự thỏa thuận với anh T và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 02456 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L, vắng mặt anh T.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- UBND P.Q-Q.C-HN,
(GCNKH số XXX, Q.số 01/2009,
Ngày 12/10/2009);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền